

Số: 02/2020/QĐST-TCDS

Hà Nam, ngày 27 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Quang Tuyên và ông Vũ Văn Mười.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 56/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Đan Thị A, sinh năm 1944; địa chỉ: Tổ 97, khu 6, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

* **Bị đơn:** Bà Hà Thị L, sinh năm 1943; địa chỉ: Xóm P, thôn M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Ông Phạm Đại V – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- NLQ1, sinh năm 1940; địa chỉ: Số 41, D, tổ 26, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo ủy quyền NLQ2, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

- NLQ2, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

- NLQ3, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 106, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị L, sinh năm 1943; địa chỉ: Xóm P, thôn M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- NLQ4, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn D, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội.

- NLQ5, sinh năm 1972 (đã bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự).

- NLQ6, sinh năm 1975 (đã bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự).

Đại diện theo pháp luật của NLQ5 và NLQ6: Bà Hà Thị L, sinh năm 1943; địa chỉ: Xóm P, thôn M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa các đương sự có mặt gồm: Bà Đan Thị A, bà NLQ2, bà Hà Thị L, chị NLQ3, chị NLQ4, Ông Phạm Đại V).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về chia di sản thừa kế của cụ Đan Văn M và cụ Ngô Thị N tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7 lập năm 1988 (nay là thửa 20, tờ bản đồ số 02, lập năm 2003) có diện tích 2080m² (thực tế đo đạc 2148m² trong đó có 68m² BHK).

* Chia bà Đan Thị A, NLQ1, NLQ2 được quyền quản lý, sử dụng chung lô số 01 (vị trí Bắc) thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02 diện tích 522m² trị giá 126.940.000đ, trong đó đất ở 80m², đất vườn 442m² và sở hữu toàn bộ tài sản cây hoa màu trên đất, không phải thanh toán giá trị tài sản cho ai.

- Bà Đan Thị A được quản lý, trông coi, sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại diện người sử dụng đất. Bà Đan Thị A, NLQ1, NLQ2 tự thỏa thuận phân chia nội bộ với nhau về quyền sử dụng đất. Bà Đan Thị A phải nộp nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở quyền sử dụng đất, tài sản trên đất của bà Đan Thị A, NLQ1, NLQ2 tại lô số 01.

- Về tứ cận, ranh giới, mốc giới thửa đất có sơ đồ kèm theo.

* Chia ông Đan Văn V (bà Hà Thị L, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6) được quyền quản lý, sử dụng chung lô số 03, vị trí Nam thửa đất, diện tích 1165m² (trong đó đất ở 165m², đất vườn 932m² là di sản thừa kế, trị giá 263.240.000đ) còn lại đất BHK 68m² của bà L không phải là di sản thừa kế (không tính giá trị) và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản thừa kế cho ai.

- Bà Hà Thị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại diện người sử dụng đất và được quản lý, trông coi, sử dụng đất lô 03. Nội bộ gia đình bà Hà Thị L, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 tự thỏa thuận với nhau việc sử dụng đất. Bà Hà Thị L phải nộp nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Về tứ cận, ranh giới, mốc giới thửa đất có sơ đồ kèm theo.

* Bà Đan Thị A, NLQ1, NLQ2, bà Hà Thị L và các đồng thừa kế của ông Đan Văn V sử dụng chung lô số 02 diện tích 429m², trong đó đất ở 55m², đất vườn 374m² và toàn bộ tài sản là công trình, vật kiến trúc, cây hoa màu trên đất bao gồm cả tài sản do vợ chồng ông Đan Văn V bà Hà Thị L kiến thiết nhập là sở hữu chung

của các đồng thừa kế, bà Hà Thị L và các đồng thừa kế của ông Đan Văn V không được thanh toán giá trị tài sản sử dụng vào việc thờ cúng. Bà Hà Thị L không được tính công trông nom, bảo quản di sản thờ cúng lô 02 và tài sản trên đất.

- Giao bà Hà Thị L được quyền quản lý, trông coi di sản dùng vào việc thờ cúng, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô số 02 đất thờ cúng với tư cách đại diện chủ sử dụng đất.

Không ai được cản trở quyền sử dụng đất là tài sản thờ cúng của các đồng thừa kế: Bà Hà Thị L, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6; bà Đan Thị A, NLQ1, NLQ2.

- Về tứ cận, ranh giới, mốc giới thửa đất có sơ đồ kèm theo.

b. Diện tích đất lối đi chung là 32m² (có sơ đồ kèm theo) không tính vào diện tích phân chia các lô.

c. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và định giá tài sản tổng cộng hết 14.824.000 đồng, nguyên đơn bà Đan Thị A đã nộp đủ chi phí tố tụng. Các bên thống nhất bà Đan Thị A chịu chi phí 5.000.000đ. Bà Hà Thị L phải chịu chi phí 9.824.000đ, bà Hà Thị L có trách nhiệm trả lại bà Đan Thị A số tiền 9.824.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

d. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đan Thị A, NLQ1, NLQ2 là người cao tuổi, bà Hà Thị L là người cao tuổi và thuộc diện hộ nghèo, NLQ5 và NLQ6 (bị mất năng lực hành vi dân sự) nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các bà Đan Thị A, NLQ1, NLQ2, Hà Thị L, NLQ5, NLQ6 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại bà Đan Thị A số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002177 ngày 06/8/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

NLQ3 và NLQ4 mỗi người phải nộp 2.632.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- Chi Cục THA dân sự thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Trưởng